

Phân loại dự án đầu tư, thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và cấp giấy phép môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

PGS.TS. PHÙNG CHÍ SỸ

Phó Chủ tịch Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam

Ngày 10/1/2022 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (gọi tắt là Nghị định 08) và Bộ TN&MT ban hành Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (gọi tắt là Thông tư 02) quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT. Luật BVMT 2020 có nhiều điểm mới, đột phá trong phương thức quản lý môi trường tại Việt Nam, trong đó có quản lý dự án đầu tư theo các tiêu chí môi trường, thực hiện hậu kiểm đối với các dự án, cắt giảm thủ tục hành chính, quản lý nhà nước dựa trên nguyên tắc quản lý tổng hợp, thống nhất, phân cấp triệt để cho địa phương. Trong Nghị định 08, đặc biệt là các quy định liên quan đến phân loại dự án đầu tư, thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và cấp giấy phép môi trường (GPMT) được rất nhiều doanh nghiệp quan tâm. Để hiểu thống nhất các quy định trong quá trình thực hiện Luật BVMT 2020, Nghị định 08, bài viết giới thiệu một số quy định liên quan đến phân loại dự án đầu tư, thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM và cấp GPMT.

1. PHÂN LOẠI DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Phân loại dự án đầu tư theo các tiêu chí về môi trường được quy định tại Điều 25, Nghị định 08 dựa trên quy mô, công suất, loại hình, yếu tố nhạy cảm môi trường dự án. Để phân loại dự án đầu tư theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, nguy cơ ô nhiễm và yếu tố nhạy cảm môi trường cần phải thực hiện các bước sau đây:

- **Bước 1:** Xác định xem dự án thuộc nhóm dự án quan trọng quốc gia, nhóm A, nhóm B hay nhóm C theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công. Tiêu chí phân loại dự án đầu tư trong Luật Đầu tư công số 39/2019/

QH14 ngày 13/6/2019 được quy định tại các Điều 7, 8, 9, 10. Ví dụ, chỉ dựa vào vốn đầu tư thì dự án đầu tư từ 10.000 tỷ đồng trở lên thuộc dự án quan trọng quốc gia. Dự án nhóm A, bao gồm không phân biệt tổng mức đầu tư (Ví dụ: Dự án hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao); Dự án có tổng mức đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên (Ví dụ: Dự án hóa chất, phân bón, xi măng); Dự án có tổng mức đầu tư từ 1.500 tỷ đồng trở lên (Ví dụ: Dự án cấp thoát nước, xử lý rác thải và công trình hạ tầng kỹ thuật khác); Dự án có tổng mức đầu tư từ 1.000 tỷ đồng trở lên (Ví dụ: Dự án sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản); Dự án có tổng mức đầu tư từ 800 tỷ đồng trở lên (Ví dụ: Dự án xây dựng dân dụng, trừ xây dựng khu nhà ở). Dự án nhóm B bao gồm các dự án quy định tại Điều 8 nhưng với số vốn đầu tư nhỏ hơn (Ví dụ: Dự án hóa chất, phân bón, xi măng có vốn đầu tư từ 120 tỷ đồng đến dưới 2.300 tỷ đồng; Dự án cấp thoát nước, xử lý rác thải và công trình hạ tầng kỹ thuật khác có vốn đầu tư từ 80 tỷ đến 1.500 tỷ đồng; Dự án sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản

có vốn đầu tư từ 60 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng; Dự án xây dựng dân dụng, trừ xây dựng khu nhà ở có vốn đầu tư từ 45 tỷ đến 800 tỷ đồng). Dự án nhóm C bao gồm các dự án quy định tại Điều 8 nhưng với số vốn đầu tư nhỏ hơn (Ví dụ: Dự án hóa chất, phân bón, xi măng có vốn đầu tư dưới 120 tỷ đồng; Dự án cấp thoát nước, xử lý rác thải và công trình hạ tầng kỹ thuật khác có vốn đầu tư dưới 80 tỷ đồng; Dự án sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản có vốn đầu tư dưới 60 tỷ đồng; Dự án xây dựng dân dụng, trừ xây dựng khu nhà ở có vốn đầu tư dưới 45 tỷ đồng).

- **Bước 2:** Phân loại dự án đã xác định ở bước 1 theo 2 nhóm: Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường (Phụ lục II) ban hành kèm theo Nghị định 08 và loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- **Bước 3:** Sau khi phân loại dự án tại bước 1, bước 2, thì tiếp tục xác định dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường hay không?. Yếu tố nhạy cảm môi trường được xác định thông qua vị trí trong nội thành, nội

thị; xả nước thải vào nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; có sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên; rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên, vùng đất ngập nước quan trọng và di sản thiên nhiên khác; di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 2 vụ trở lên, có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, vùng đất ngập nước quan trọng, rừng tự nhiên, rừng phòng hộ; có yêu cầu di dân, tái định cư.

Như vậy, khi phân loại dự án đầu tư phải thực hiện tuân tự theo từng bước 1, 2, 3 ở trên. Ví dụ tại bước 1 xác định được một dự án nhóm A, thì sang bước 2 sẽ có 2 khả năng xảy ra là dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường (ký hiệu là A1) và dự án không có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường (ký hiệu là A2). Sang bước 3 sẽ có 4 khả năng xảy ra là: Dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và có yếu tố nhạy cảm môi trường (ký hiệu là A1-1); Dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và không có yếu tố nhạy cảm môi trường (ký hiệu là A1-2); Dự án không có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và có yếu tố nhạy cảm môi trường (ký hiệu là A2-1); Dự án không có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và không có yếu tố nhạy cảm môi trường (ký hiệu là A2-2).

Tương tự như vậy, dự án đầu tư nhóm B cũng có thể phân loại thành 4 nhóm: B1-1, B1-2, B2-1, B2-2. Dự án nhóm C cũng có thể phân loại thành 4 nhóm: C1-1, C1-2, C2-1, C2-2. Dự án quan trọng quốc gia (Ký hiệu là Q) cũng có thể phân loại thành 4 nhóm : Q1-1, Q1-2, Q2-1, Q2-2.

Ngoài ra, phân loại dự án đầu tư theo 3 loại lớn, trung bình, nhỏ dựa trên diện tích sử dụng đất, đất có mặt nước; phân loại dự án theo 2 loại dựa theo thẩm quyền cấp giấy phép nhận chìm ở biển, giao khu vực biển và giao khu vực biển để lấn biển; phân thành 2 nhóm theo thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác và sử dụng tài nguyên nước.

2. XÁC ĐỊNH THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH ĐTM

Theo Điều 28 Luật BVMT 2020 và Nghị định 08, dựa trên các tiêu chí phân loại dự án đầu tư như nêu ở trên, các dự án đầu tư được chia thành 4 nhóm. Danh mục dự án đầu tư nhóm I, II và III được quy định tương ứng tại các Phụ lục III, IV và V ban hành kèm theo Nghị định 08. Điều 30 của Luật BVMT 2020 quy định

đối tượng phải thực hiện ĐTM bao gồm: Dự án đầu tư nhóm I quy định tại khoản 3 và dự án đầu tư nhóm II quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 28. Theo Phụ lục III, Nghị định 08 Dự án nhóm A dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường (ký hiệu là A1 như ở trên); Dự án nhóm A và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, có yếu tố nhạy cảm về môi trường (ký hiệu là A2-1 như ở trên) và các dự án đầu tư sử dụng đất, đất có mặt nước; dự án theo thẩm quyền cấp giấy phép nhận chìm ở biển, giao khu vực biển và giao khu vực biển để lấn biển; dự án theo thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác và sử dụng tài nguyên nước nêu tại Phụ lục III thuộc dự án đầu tư nhóm I có nguy cơ tác động xấu tới môi trường ở mức độ cao. Báo cáo ĐTM của dự án đầu tư nhóm I thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Ngoài ra, dự án đầu tư nhóm II thuộc thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ; dự án đầu tư nằm trên địa bàn từ 2 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên; dự án đầu tư nằm trên vùng biển chưa xác định trách nhiệm quản lý hành chính của UBND cấp tỉnh; dự án đầu tư thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản, cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, cấp giấy phép nhận chìm ở biển, quyết định giao khu vực biển của Bộ Tài nguyên và Môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổ chức thẩm định báo cáo đánh

giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư thuộc bí mật nhà nước về quốc phòng, an ninh.

Tương tự như vậy, Dự án nhóm A và nhóm B và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường (ký hiệu là A2, B2 như ở trên); Dự án nhóm C không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, có yếu tố nhạy cảm về môi trường (ký hiệu là C2-1 như ở trên) và các dự án đầu tư sử dụng đất, đất có mặt nước; dự án theo thẩm quyền cấp giấy phép nhận chìm ở biển, giao khu vực biển và giao khu vực biển để lấn biển; dự án theo thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác và sử dụng tài nguyên nước nêu tại Phụ lục IV thuộc dự án đầu tư nhóm II có nguy cơ tác động xấu tới môi trường. Thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của dự án đầu tư nhóm II thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh (trừ các dự án nhóm II thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và môi trường).

Các dự án đầu tư nhóm III ít có nguy cơ tác động xấu tới môi trường (Phụ lục V) và các dự án đầu tư cấp IV không có nguy cơ tác động xấu đến môi trường không thuộc đối tượng phải lập ĐTM.

3. XÁC ĐỊNH THẨM QUYỀN CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Luật BVMT 2020, Nghị định 08 có quy định 4 trường hợp liên quan đến ĐTM và cấp GPMT như sau:

- Trường hợp 1: Dự án đầu tư thuộc đối tượng phải thực hiện ĐTM và cấp GPMT (gọi tắt là “có ĐTM-có GPMT”).

- *Trường hợp 2:* Dự án đầu tư thuộc đối tượng phải thực hiện ĐTM và không thuộc đối tượng cấp GPMT (gọi tắt là “có ĐTM-không GPMT”).

- *Trường hợp 3:* Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện ĐTM và thuộc đối tượng cấp GPMT (gọi tắt là “không ĐTM-có GPMT”).

- *Trường hợp 4:* Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện ĐTM và không thuộc đối tượng cấp GPMT (gọi tắt là “không ĐTM-không GPMT”).

Điều 39, Luật BVMT 2020 quy định đối tượng phải có GPMT bao gồm Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II và nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức; Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động trước ngày Luật BVMT 2020 có hiệu lực; Đối với các dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công được miễn GPMT.

Điều 41, Luật BVMT 2020 quy định thẩm quyền cấp GPMT như sau: Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp GPMT đối với các dự án đầu tư đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM và các cơ sở thuộc loại hình có quy mô, công suất tương đương. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở thuộc bí mật nhà nước về quốc phòng, an ninh. UBND cấp tỉnh cấp GPMT đối với Dự án đầu tư nhóm II, Dự án đầu tư nhóm III nằm trên địa bàn từ 2 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên; Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật BVMT 2020 đã được UBND cấp tỉnh hoặc Bộ, cơ quan ngang Bộ phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM. UBND cấp huyện cấp GPMT đối với các dự án nhóm III và các cơ sở có quy mô, công suất tương đương (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền cấp GPMT của UBND tỉnh).

Khoản 2, Điều 42 của Luật BVMT 2020 quy định thời điểm cấp GPMT như sau: Trước khi vận hành thử

thử nghiệm đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng phải thực hiện ĐTM phải có GPMT (Trường hợp 1 “Có ĐTM-có GPMT”). Đối với trường hợp 3 “Không ĐTM-có GPMT”, GPMT được cấp trước khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản; Phê duyệt kế hoạch thăm dò, kế hoạch phát triển mỏ đối với dự án đầu tư thăm dò, khai thác dầu khí; Phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Kết luận thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đối với dự án đầu tư xây dựng; Cấp giấy phép nhận chìm ở biển; quyết định giao khu vực biển; Quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng nêu trên. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng không thuộc đối tượng được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định của pháp luật về xây dựng thì phải có GPMT trước khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, điều chỉnh giấy phép xây dựng. Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động (gọi tắt là các cơ sở đang hoạt động) trước ngày Luật BVMT 2020 có hiệu lực đang vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chủ dự án đầu tư được lựa chọn tiếp tục vận hành thử nghiệm để được cấp GPMT sau khi kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải hoặc

lập hồ sơ để được cấp GPMT trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm. Chủ dự án đầu tư không phải vận hành thử nghiệm lại công trình xử lý chất thải nhưng kết quả hoàn thành việc vận hành thử nghiệm phải được báo cáo, đánh giá theo quy định tại Điều 46 của Luật BVNT 2020.

Các cơ sở đang hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành phải có GPMT trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp GPMT thành phần. GPMT thành phần được tiếp tục sử dụng như GPMT đến hết thời hạn của GPMT thành phần hoặc được tiếp tục sử dụng trong thời hạn 5 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành trong trường hợp GPMT thành phần không xác định thời hạn. Trường hợp dự án đầu tư hoặc các cơ sở đang hoạt động được thực hiện theo nhiều giai đoạn, có nhiều công trình, hạng mục công trình thì GPMT có thể cấp cho từng giai đoạn, công trình, hạng mục công trình có phát sinh chất thải. GPMT được cấp sau sẽ tích hợp nội dung GPMT được cấp trước vẫn còn hiệu lực.

Trên đây là các quy định cụ thể của Luật BVMT 2020, Nghị định 08 về phân loại dự án đầu tư, thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM và cấp GPMT nhằm hỗ trợ các tổ chức, cá nhân liên quan hiểu thống nhất các quy định mới về quản lý môi trường. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[01]. Luật BVMT năm 2020;

[02]. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.